

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 17 - 12 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Thẩm phán:

+ Bà Trần Thị Sâm.

+ Ông Phạm Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: ông Đặng Hồng Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLPT-HNGĐ ngày 05/11/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/HNGĐ-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2024/QĐ-PT ngày 18/11/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn H, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Đinh Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn H, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Đặng Văn D - Luật sư của Văn phòng L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N. Địa chỉ: số A, đường L, phố V, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

3. *Người kháng cáo:* anh Đinh Văn T (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đinh Văn T được tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 19/9/2022. Sau khi cưới, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh T. Anh chị chỉ sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Mẹ anh T thường xuyên chửi bới đánh đập chị, anh T cũng hùa theo đánh chị nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tết âm lịch năm 2024 cho đến nay; khi đó con chị mới được 3 tháng tuổi, gia đình anh T đã giữ cháu không cho chị đưa cháu đi cùng. Hiện nay anh chị đã ly thân. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để cả hai ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung, tên cháu là Đinh Đức T1, sinh ngày 05/6/2023. Hiện cháu đang ở với anh T. Hàng ngày chị vẫn về nhà anh T để chăm cháu. Chị xin được nuôi cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là anh Đinh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời khai của chị H về thời điểm kết hôn. Anh xác định vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, việc chị H đi khỏi nhà anh là do cãi nhau với mẹ anh. Anh chị ly thân từ tết âm lịch cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn với anh nhất trí. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Đinh Đức T1, sinh ngày 05/6/2023, hiện cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu vì chị H không đủ sức khỏe để nuôi cháu, chị H bị khuyết tật, đang hưởng trợ cấp xã hội, không có công ăn việc làm nên không đủ kinh tế để nuôi con. Nếu anh được nuôi cháu T1, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/HNGĐ-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về hôn nhân: cho chị H ly hôn với anh T. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: giao cháu Đinh Đức T1, sinh ngày 05/6/2023

cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Đinh Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án cho các đương sự.

Ngày 07/8/2024, anh T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu T1. Về sức khỏe, chị H là người mắc bệnh tâm thần, thường xuyên có hành vi bạo lực tấn công người thân, kể cả mẹ đẻ anh và cháu T1 khi lên con. Chị H đã được cơ quan thương binh xã hội lập danh sách, đưa vào diện người khuyết tật nặng, dạng khuyết tật là “Thần kinh tâm thần” theo Giấy xác nhận khuyết tật ngày 14/12/2020. Do đó, chị H không thể nuôi dưỡng cháu T1. Về điều kiện nuôi dưỡng con: chị H không có công việc và thu nhập ổn định. Trong thời gian vợ chồng chung sống, chị H chỉ đi làm các công việc vặt vãnh với mức thu nhập mỗi tháng hơn 1.000.000 đồng. Về nơi ở: chị H có nơi ở duy nhất là nhà người anh trai mắc nghiện ma túy, cũng có biểu hiện tâm thần, nhiều lần vô cớ vác gạch đá tấn công người đi đường và hàng xóm. Nếu giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng thì cháu T1 sẽ có thêm một mối nguy hiểm bị tấn công bạo lực và bị ảnh hưởng bởi môi trường sống không lành mạnh, dễ bị nhiễm các tệ nạn xã hội. Anh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Án lệ số 54 ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung kháng cáo của anh T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/HNGĐ-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan về phần nuôi con chung. Giao cháu T1 sinh ngày 05/6/2023 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí dân sự phúc thẩm:

anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp và không phải chịu án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Đơn kháng cáo của anh T làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng chị H mắc bệnh tâm thần. Hội đồng xét xử xét thấy: tại mục 6 phần IV của Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 hướng dẫn: *...khi có chủ thể cho rằng một người là đương sự trong vụ án mất năng lực hành vi dân sự thì Tòa án phải giải thích, hướng dẫn để họ thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự theo quy định nêu trên... trường hợp họ không yêu cầu thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục chung.*

Tại phiên tòa, anh T thừa nhận anh đã được giải thích, hướng dẫn để anh thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố chị H mất năng lực hành vi dân sự nhưng anh không có yêu cầu tuyên bố chị H mất năng lực hành vi dân sự. Do đó Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: sau khi xét xử sơ thẩm, anh T chỉ kháng cáo Bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét Bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của anh T.

[2] Về nội dung kháng cáo.

Về nuôi con chung: chị H và anh T có 01 con chung, tên cháu là Đinh Đức T1, sinh ngày 05/6/2023. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn giữa chị H và mẹ đẻ anh T, chị H tự ý về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, bỏ lại cháu T1 mới được 03 tháng tuổi cho anh T nuôi dưỡng. Mặc dù, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, nhưng chị H đã không nuôi cháu T1 từ khi cháu được 03 tháng tuổi.

Khi cháu T1 sống chung với anh T vẫn được anh T duy trì mối quan hệ với chị H, vẫn tạo điều kiện cho chị H thăm nom con; bảo đảm sự ổn định về môi trường sống của cháu T1. Cháu T1 đã quen với sự gắn bó, thân thiết của anh T. Anh T có thu nhập ổn định nên anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có điều kiện, có khả năng trong việc nuôi dưỡng con, khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại. Hiện tại, cháu T1 đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; nếu giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu.

Tại phiên toà, chị H thừa nhận: anh T chăm sóc cháu T1 tốt, đảm bảo cuộc sống cho cháu, anh T cũng tạo điều kiện cho chị thăm cháu.

Tại Phiếu lưu huyết não ngày 22/7/2024 của Bệnh viện T2 thể hiện kết quả đo lưu huyết não của chị H là “lưu huyết não có hình ảnh thiếu máu não”. Tại Phiếu điện não đồ ngày 22/7/2024 của Bệnh viện T2 thể hiện kết quả đo điện não vi tính chị H là “điện não đồ ở trạng thái kích thích”. Tại Bệnh án tâm thần ngày 17/10/2020 của Bệnh viện T2 thể hiện: khi ra viện, chị H có bệnh chính là “động kinh cơn lớn”, bệnh kèm theo là “thiếu máu não”. Tại phiên tòa, chị H thừa nhận chị bị yếu tay phải do bị di chứng của bệnh viêm não Nhật Bản hồi chị 4 tuổi.

Theo Giấy xác nhận khuyết tật ngày 14/12/2020 thể hiện chị H bị dạng khuyết tật là “thần kinh tâm thần”, mức độ khuyết tật “nặng”. Tại Quyết định số 4326/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện N đã quyết định thực hiện thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với chị H, thời gian cắt giảm là 01/8/2024, lý do cắt giảm: “thuyên giảm bệnh”.

Tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình là trường hợp người mẹ thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) hoặc không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Đối chiếu với quy định nêu trên, xét thấy chị H không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1; thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo Án lệ số 54/2022/AL về xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi trong trường hợp người mẹ không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/9/2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA14/10/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: trong vụ án Hôn nhân và Gia đình có tranh chấp về quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi; người mẹ tự ý bỏ đi từ khi con còn rất nhỏ... người con được người cha nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt và đã quen với điều kiện, môi trường sống đó. Trường hợp này, Tòa án phải tiếp tục giao con dưới 36 tháng tuổi cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 5, Điều 15 của

Luật Trẻ em và theo Án lệ số 54/2022/AL, có đủ cơ sở xem xét toàn diện để xác định: xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm giao cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Toà án cấp sơ thẩm giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng là không phù hợp, chưa xem xét đầy đủ đến quyền lợi về mọi mặt của cháu T1.

Tại phiên toà, chị H trình bày mức thu nhập của chị H không phù hợp với các tài liệu do chị H có cung cấp cho Toà án. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: mặc dù anh T đã được Tòa án giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, anh T trình bày anh có khả năng, có điều kiện nuôi dưỡng cháu T1 trưởng thành nên anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu T1. Do đó, chị Huỳnh Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: nếu chị H có đủ căn cứ cho rằng anh T không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung thì chị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng nên anh T không phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của anh T được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 5, Điều 15 của Luật Trẻ em năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018); Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/9/2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA14/10/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Văn T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/HNGĐ-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên xử:

1.1. Về nuôi con chung: giao cháu Đinh Đức T1, sinh ngày 05/6/2023 cho anh Đinh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đinh Đức T1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Đinh Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nên chị Huỳnh Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Đinh Văn T không phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Đinh Văn T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đinh Văn T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001353 ngày 09/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17/12/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện Nho Quan;
- Chi cục THADS huyện Nho Quan;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng